

Bản án số: 47/2023/HNGĐ-ST
Ngày 13 - 9 - 2023
V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mùi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Phương Dung;

Bà Nguyễn Thị Kim Phụng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trương Thành Long - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Đình Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở TAND huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 137/2023/TLST - HNGĐ, ngày 25 tháng 5 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Bùi Thị T, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ C, khu phố H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ C, khu phố H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Bùi Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Thanh T1 chung sống với nhau từ năm 2008 trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa ngày 19/02/2008. Thời gian đầu chung sống ông, bà có hạnh phúc nhưng thời gian sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân dần không hạnh phúc nữa. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, trong cuộc sống thường xuyên cãi nhau, không còn yêu thương chăm sóc nhau nữa. Bà và ông T1 đã ly thân từ tháng 6/2023 đến nay, không còn tình cảm với nhau nên bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh T1.

- Về con chung: Bà và ông T1 có 02 con chung là Nguyễn Thanh B, sinh ngày 28/6/2011 và Nguyễn Thanh Bảo L, sinh ngày 23/5/2019. Bà T yêu cầu được

quyền nuôi 02 con chung, yêu cầu ông **T1** cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng/01 con cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hoà giải ông **Nguyễn Thanh T1** trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà **Bùi Thị T** chung sống với nhau từ năm 2008 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa** ngày 19/02/2008. Thời gian đầu chung sống ông, bà có hạnh phúc nhưng thời gian sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa nên ông đồng ý ly hôn với bà **T**.

- Về con chung: Ông và bà **T** có 02 con chung là **Nguyễn Thanh B**, sinh ngày 28/6/2011 và **Nguyễn Thanh Bảo L**, sinh ngày 23/5/2019. Tại biên bản hòa giải thành ngày 20/6/2023, ông đồng ý giao 02 con chung cho bà **Bùi Thị T** trực tiếp nuôi dưỡng, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng/01 con cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Ngày 23/6/2023, ông **T1** phản đối lại biên bản hòa giải thành và yêu cầu được quyền nuôi con chung **Nguyễn Thanh B** vì cháu **B** có nguyện vọng được sống cùng với ông. Ông **T1** nhường quyền nuôi con **Nguyễn Thanh Bảo L** cho bà **T** nuôi dưỡng, ông **T1** và bà **T** không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng, của những người tiến hành tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Mâu thuẫn vợ chồng của nguyên đơn, bị đơn đã trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn.

Về con chung: Nguyên đơn, bị đơn có tranh chấp về nuôi con, do cháu **B** có nguyện vọng được ở với ông **T1**, cháu **L** còn nhỏ nên đề nghị HĐXX giao cháu **B** cho ông **T1** nuôi dưỡng, giao cháu **L** cho bà **T** nuôi dưỡng, nguyên đơn, bị đơn không phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; Kiểm sát viên phát biểu về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của đương sự, về nội dung vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khi thụ lý vụ án bị đơn cư trú tại **thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa: Nguyên đơn bà **Bùi Thị T** và bị đơn ông **Nguyễn Thanh T1** có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà **Bùi Thị T** và ông **Nguyễn Thanh T1** chung sống trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa ngày 19/02/2008. Quan hệ hôn nhân giữa bà **T** và ông **T1** là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Trong quá trình chung sống nguyên đơn, bị đơn trình bày có mâu thuẫn xảy ra do tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng đã sống ly thân không còn tình cảm với nhau. Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn, bị đơn đồng ý ly hôn với nguyên đơn.

HĐXX xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc xin ly hôn của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, bị đơn đồng ý ly hôn với nguyên đơn nên HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Căn cứ vào lời khai nhận của đương sự, bản sao giấy khai sinh, xác định nguyên đơn và bị đơn có với nhau 02 con chung là **Nguyễn Thanh B**, sinh ngày 28/6/2011 và **Nguyễn Thanh Bảo L**, sinh ngày 23/5/2019. Nguyên đơn, bị đơn tranh chấp quyền nuôi con chung. Nguyên đơn yêu cầu được quyền nuôi 02 con chung, yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng/01con cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Bị đơn yêu cầu được quyền nuôi con chung **Nguyễn Thanh B**, nhường quyền nuôi con **Nguyễn Thanh Bảo L** cho nguyên đơn nuôi dưỡng, nguyên đơn, bị đơn không ai phải cấp dưỡng nuôi con. HĐXX xét các điều kiện về nuôi con, nguyện vọng của con chung chưa thành niên, hiện cháu **Nguyễn Thanh B** sống cùng ông **T1**, cháu **Nguyễn Thanh Bảo L**, đang sống cùng bà **T**. Do đó, việc giao con chung **Nguyễn Thanh B** cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung **Nguyễn Thanh Bảo L** cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Nguyên đơn, bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, các Điều 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Bùi Thị T** đối với bị đơn ông **Nguyễn Thanh T1**.

1. Về hôn nhân: Nguyên đơn bà **Bùi Thị T** được ly hôn với bị đơn ông **Nguyễn Thanh T1**.

2. Về con chung: Giao con chung **Nguyễn Thanh B** cho bị đơn ông **Nguyễn Thanh T1** trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung **Nguyễn Thanh Bảo L** cho nguyên đơn cho bà **Bùi Thị T** trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà **Bùi Thị T** và ông **Nguyễn Thanh T1** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được cản trở bà **Bùi Thị T** và ông **Nguyễn Thanh T1** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có yêu cầu phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, HĐXX không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Bà **Bùi Thị T** phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005231, ngày 18 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Phương Dung

Nguyễn Thị Kim Phụng

Nguyễn Thị Mùi

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mùi